

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ THƯỢNG HỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 875/QĐ-UBND

Thượng Hồng, ngày 23 tháng 10 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã Quý III và 9 tháng năm 2025 xã Thượng Hồng sau sắp xếp**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỢNG HỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thượng Hồng về việc thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2025 xã Thượng Hồng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 336/NQ-HĐND ngày 7 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Thượng Hồng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại tờ trình số 47/ TTr-PKT ngày 23 tháng 10 năm 2025.

UBND xã Thượng Hồng Quyết định công khai thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã Quý III và 9 tháng năm 2025 xã Thượng Hồng sau sắp xếp.



## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã Quý III và 9 tháng năm 2025 xã Thượng Hồng sau sắp xếp.

### **I. Thu – Chi Ngân sách quý III năm 2025**

#### **1. Thu NSNN.**

- Dự toán thu NSNN năm 2025: 154.221 triệu đồng
- Thực hiện thu quý III: 98.122,4 triệu đồng  
(Có phụ biểu kèm theo)

#### **2. Thu, chi Ngân sách xã**

##### **a) Thu Ngân sách xã**

- Dự toán thu NS xã năm 2025: 112.631 triệu đồng
- Thực hiện Thu quý III: 88.192,2 triệu đồng.  
(Có phụ biểu kèm theo)

##### **b) Chi Ngân sách xã**

- Dự toán Chi NS xã năm 2025: 112.631 triệu đồng
- Thực hiện Chi quý III: 66.482,5 triệu đồng  
(Có phụ biểu kèm theo)

### **II. Thu – Chi Ngân sách 9 tháng năm 2025**

#### **1. Thu NSNN.**

- Dự toán thu NSNN năm 2025: 154.221 triệu đồng
- Thực hiện thu 9 tháng: 219.149,8 triệu đồng
- Đạt tỷ lệ 142,1%  
(Có phụ biểu kèm theo)

#### **2. Thu, chi Ngân sách xã**

##### **a) Thu Ngân sách xã**

- Dự toán thu NS xã năm 2025: 112.631 triệu đồng
- Thực hiện Thu 9 tháng: 206.219,4 triệu đồng.
- Đạt tỷ lệ 183,09%  
(Có phụ biểu kèm theo)

##### **b) Chi Ngân sách xã.**

- Dự toán Chi NS xã năm 2025: 112.631 triệu đồng
- Thực hiện Chi 9 tháng: 171.258 triệu đồng
- Đạt tỷ lệ 152,1%  
(Có phụ biểu kèm theo)

**Điều 2.** Hình thức và thời gian công khai: Công khai trên cổng thông tin điện tử xã Thượng Hồng, thành phố Hải Phòng; trang thông tin chỉ đạo điều hành của xã; niêm yết tại trụ ở UBND xã trong thời gian 30 ngày.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế tổ chức thực hiện quyết định này.

*Nơi nhận:*

- Như điều 2;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hà Thị Thủy





## CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025			Thực hiện 9 tháng			So sánh (%)		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>Tổng chi</b>	<b>112.631,0</b>	<b>7.200,0</b>	<b>105.431,0</b>	<b>171.258,0</b>	<b>0,0</b>	<b>171.258,0</b>	<b>152,1</b>	<b>0,0</b>	<b>162,4</b>
1	Chi giáo dục	67.071,0		67.071,0	44.901,2		44.901,2	66,9		66,9
2	Chi quốc phòng	898,0		898,0	1.065,3		1.065,3	118,6		118,6
3	Chi an ninh trật tự	1.545,0		1.545,0	627,3		627,3	40,6		40,6
4	Chi y tế, dân số và gia đình	200,0		200,0	0,0		0,0	0,0		0,0
5	Chi văn hóa, thông tin	347,0		347,0	550,8		550,8	158,7		158,7
6	Chi phát thanh, truyền thanh, thông tấn	399,0		399,0	233,2		233,2	58,5		58,5
7	Chi thể dục thể thao	204,0		204,0	0,0		0,0	0,0		0,0
8	Chi bảo vệ môi trường	533,0		533,0	0,0		0,0	0,0		0,0
9	Chi các hoạt động kinh tế	3.900,0		3.900,0	7.631,3		7.631,3	195,7		195,7
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	32.024,8	7.200,0	24.824,8	110.461,2		110.461,2	344,9	0,0	445,0
11	Chi cho công tác xã hội	1.787,0		1.787,0	4.475,8		4.475,8	250,5		250,5
12	Chi khác	24,0		24,0	0,0		0,0	0,0		0,0
13	Dự phòng	3.490,0		3.490,0	1.311,9		1.311,9	37,6		37,6
14	Tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP	208,2		208,2	0,0		0,0	0,0		0,0



UBND XÃ THƯỢNG HỒNG

Biểu số 114/CK TC-NSNN

### THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Thực hiện 9 tháng		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>154.221,0</b>	<b>112.631,0</b>	<b>219.149,8</b>	<b>206.219,4</b>	<b>142,10</b>	<b>183,09</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>53.364,0</b>	<b>11.774,0</b>	<b>20.521,4</b>	<b>7.591,0</b>	<b>38,46</b>	<b>64,47</b>
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	2.520,0	2.016,0	8.718,8	2.340,7	345,98	116,11
-	Thu thuế Giá trị gia tăng	2.520,0	2.016,0	8.277,6	2.340,7	328,48	116,11
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			401,0			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			40,2			
-	Thuế tài nguyên						
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.430,0	1.144,0	3.448,7	1.610,6	241,17	140,79
6	Thuế bảo vệ môi trường						

SỐ TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Thực hiện 9 tháng		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
7	Lệ phí trước bạ	930,0	930,0	2.821,3	967,4	303,36	104,02
8	Thu phí, lệ phí	123,0	123,0	130,6	117,0	106,15	95,15
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	36,0	36,0	11,2	4,0	31,25	11,15
11	Thu từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp			190,1			
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			137,6			
13	Thu tiền sử dụng đất	48.000,0	7.200,0	3.928,2	1.657,3	8,18	23,02
14	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)						
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
17	Thu khác ngân sách	70,0	70,0	466,0	224,9	665,68	321,24
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	255,0	255,0	669,0	669,0	262,36	262,36
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>						
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>			<b>38.216,9</b>	<b>38.216,9</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>			<b>45,4</b>	<b>45,4</b>		
<b>V</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>100.857,0</b>	<b>100.857,0</b>	<b>160.366,1</b>	<b>160.366,1</b>	159,00	159,00
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	100.857,0	100.857,0	82.031,1	82.031,1	81,33	81,33
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên			78.335,0	78.335,0		



UBND XÃ THƯỢNG HỒNG

Biểu số 113/CK TC-NSNN

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán đầu năm	Thực hiện 9 tháng	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>112.631,0</b>	<b>206.219,4</b>	<b>183,09</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	448,0	669,0	149,33
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	11.326,0	3.225,8	28,48
3	Thu bổ sung cấp trên	<b>100.857,0</b>	<b>164.062,2</b>	<b>162,67</b>
	<i>Bổ sung cân đối</i>	100.857,0	82.031,1	81,33
	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	-	82.031,1	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	-	38.216,9	
5	Thu kết dư		45,4	
<b>II</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>112.631,0</b>	<b>172.569,9</b>	<b>205,9</b>
1	Chi đầu tư phát triển	7.200,0		-
2	Chi thường xuyên	101.732,8	171.258,0	168,3
3	Dự phòng	3.490,0	1.311,9	37,6
4	Tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP	208,2	-	

**CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025			Thực hiện quý 3			So sánh (%)		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>Tổng chi</b>	<b>112.631,0</b>	<b>7.200,0</b>	<b>105.431,0</b>	<b>66.482,5</b>	<b>0,0</b>	<b>66.482,5</b>	<b>59,0</b>	<b>0,0</b>	<b>63,1</b>
1	Chi giáo dục	67.071,0		67.071,0	44.901,2		44.901,2	66,9		66,9
2	Chi quốc phòng	898,0		898,0	43,1		43,1	4,8		4,8
3	Chi an ninh trật tự	1.545,0		1.545,0	0,0			0,0		0,0
4	Chi y tế, dân số và gia đình	200,0		200,0	0,0		0,0	0,0		0,0
5	Chi văn hóa, thông tin	347,0		347,0	264,5		264,5	76,2		76,2
6	Chi phát thanh, truyền thanh, thông tấn	399,0		399,0	101,8		101,8	25,5		25,5
7	Chi thể dục thể thao	204,0		204,0	0,0		0,0	0,0		0,0
8	Chi bảo vệ môi trường	533,0		533,0	0,0		0,0	0,0		0,0
9	Chi các hoạt động kinh tế	3.900,0		3.900,0	0,0		0,0	0,0		0,0
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	32.024,8	7.200,0	24.824,8	18.483,2		18.483,2	57,7		74,5
11	Chi cho công tác xã hội	1.787,0		1.787,0	2.688,6		2.688,6	150,5		150,5
12	Chi khác	24,0		24,0	0,0		0,0	0,0		0,0
13	Dự phòng	3.490,0		3.490,0	0,0		0,0	0,0		0,0
14	Tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP	208,2		208,2	0,0		0,0	0,0		0,0



UBND XÃ THƯỢNG HỒNG

Biểu số 113/CK TC-NSNN

### CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 875 /QĐ-UBND ngày 23 / 10/2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán đầu năm	Thực hiện quý 3	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>112.631,0</b>	<b>88.192,2</b>	<b>78,30</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	448,0		-
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	11.326,0	1.053,7	9,30
3	Thu bổ sung cấp trên	100.857,0	54.527,3	54,06
	<i>Bổ sung cân đối</i>	100.857,0	71.610,3	71,00
	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	-	(17.083,0)	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	-	32.611,2	
5	Thu kết dư			
<b>II</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>112.631,0</b>	<b>67.794,3</b>	<b>60,2</b>
1	Chi đầu tư phát triển	7.200,0	-	-
2	Chi thường xuyên	101.732,8	66.482,5	65,4
3	Dự phòng	3.490,0	1.311,9	37,6
4	Tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP	208,2		

## THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Thực hiện quý 3		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>154.221,0</b>	<b>112.631,0</b>	<b>98.122,4</b>	<b>88.192,2</b>	<b>63,62</b>	<b>78,30</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>53.364,0</b>	<b>11.774,0</b>	<b>10.984,0</b>	<b>1.053,7</b>	<b>20,58</b>	<b>8,95</b>
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế) ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	2.520,0	2.016,0	6.263,2	376,3	248,54	18,66
-	Thu thuế Giá trị gia tăng	2.520,0	2.016,0	5.822,0	376,3	231,03	18,66
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			401,0			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			40,2			
-	Thuế tài nguyên						
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.430,0	1.144,0	2.096,6	528,9	146,61	46,24
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	930,0	930,0	1.967,8	114,0	211,59	12,26

SỐ TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Thực hiện quý 3		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
8	Thu phí, lệ phí	123,0	123,0	14,8	14,4	12,06	11,67
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	36,0	36,0	7,8	3,8	21,57	10,44
11	Thu từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp			190,1			
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			137,6			
13	Thu tiền sử dụng đất	48.000,0	7.200,0	137,4		0,29	-
14	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)						
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
17	Thu khác ngân sách	70,0	70,0	168,6	16,4	240,87	23,44
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	255,0	255,0			-	-
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>						
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>			<b>32.611,2</b>	<b>32.611,2</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>						
<b>V</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>100.857,0</b>	<b>100.857,0</b>	<b>54.527,3</b>	<b>54.527,3</b>	54,06	54,06
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	100.857,0	100.857,0	71.610,3	71.610,3	71,00	71,00
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên			(17.083,0)	(17.083,0)		